

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2019

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khả và bà Phan Thị Oanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa: Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Vào lúc 15 giờ 20 phút, ngày 31/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2018/TLST- HNGĐ ngày 28/12/2018 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXX-ST ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1990
Trú tại: Khu phố N, phường D, thành phố T, Phú Yên. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn M, sinh năm 1971
Địa chỉ: Khu phố N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn M tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên vào ngày 09/11/2015. Thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không còn hợp nhau, bà H và ông M không còn chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung: không có; tài sản chung: không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hai bên có tranh chấp về ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố 1, phường P, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2015, được UBND phường P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85/2015, quyển số 01, ngày 09/11/2015 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh những mâu thuẫn, không hợp nhau nên bà H đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, các đương sự không còn chung sống cùng nhau từ năm 2018, không ai quan tâm và chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn chung sống trở lại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn M.

-Về con chung: không có.

-Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30//12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0012120 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người TGTT;
- VKSND TP.Tuy Hòa;
- Chi cục THADS. TP.Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Hoa Dung